TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/HSPT
Ngày: 31- 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Nguyễn Huờn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Công Bình – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 212/2019/HSPT ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Đức T phạm tội *"Chứa mại dâm" và tội "Môi giới mại dâm"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HSST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Võ Đức T**, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1985 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: tổ dân phố số C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: kinh doanh. Dân tộc: Kinh. Giới tính: nam. Con ông Võ Đức T1 và bà Nguyễn Thị H, có vợ: Phan Thị Minh P và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017), tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2018 đến ngày 24/9/2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Điều tra viên ông Trịnh Hưng K, đơn vị công tác: Công an huyện M'Đrắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Văn H và Luật sư Đặng Thanh Q – Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk.Vắng mặt tại phiên tòa và bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt luật sư.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Thị Minh P, sinh năm 1989

Bà Nguyễn Hồng N (N1) sinh năm 1994.

(Đều có mặt)

Bà Nguyễn Thị Hương T2 sinh năm 1971;

Bà Võ Thị Yến T3 sinh năm 1994.

Bà Nguyễn Thị N2 (L) sinh năm 1987

Đều trú tại: Tổ dân phố số 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bà H'R Byă sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm M, buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Bảo T4 sinh năm 1968.

Nơi cư trú: thôn S, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Văn H2 sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn N3 sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Đức T là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke TT (tại tổ dân phố số C, thị trấn M, huyện M), T thuê các nữ nhân viên đến phục vụ, tiếp tân và hát cùng với khách khi có yêu cầu. T xây dựng 06 phòng trọ để các nhân viên ở trọ và sinh hoạt hàng ngày. T còn thỏa thuận với một số nhân viên nữ phục vụ tự do là khi có khách T sẽ gọi đến phục vụ cho quán của T, mỗi lần gọi đến như vậy những nữ nhân viên này sẽ nhận được 100.000đồng/giờ.

Khoảng tháng 8/2018, thấy việc kinh doanh Karaoke lợi nhuận không cao, để trang trải cho cuộc sống của gia đình đang gặp khó khăn, T thỏa thuận, cho phép các nữ nhân viên bán dâm cho khách tại dãy trọ của T hoặc để đi nhà nghỉ, mỗi lần họ bán dâm, nữ bán dâm phải trả cho T tiền phòng và tiền công mà T đã cho phép họ đi bán dâm từ 100.000đồng đến 200.000đồng/lần.

Khoảng 16 giờ ngày 14/9/2018, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Bảo T4 và Trần Văn H2 đến phòng "VIP.1" của T hát Karaoke, T bố trí H'T Byă, Nguyễn Thị Nở (Loan) và Nguyễn Thị T4 phục vụ khách. Hát đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, T4 ra quầy tiếp tân gặp T để đặt vấn đề gọi gái bán dâm, T nói "Anh vào phòng hỏi tụi nó, đứa nào đi được thì đi". T4 đặt vấn đề với N2, H'T và T4 nhưng không có ai đồng ý. T4 tiếp tục ra gặp T, thấy Nguyễn Hồng N1 (nhân viên của quán), T nói T4 ra đặt vấn đề với N1, N1 đồng ý. T4 đưa cho T 1.000.000đồng, T đưa số tiền này cho N1 và nói khi nào bán dâm cho T4 xong thì đưa lại cho T4 400.000 đồng tiền thừa. N1 điều khiển xe mô tô của T chở T4 đến phòng 203, nhà nghỉ H ở tổ dân phố C, thị trấn M, huyện M để mua bán dâm với nhau.

Tại quán Karaoke, N3 đặt vấn đề với T về việc mua dâm, thấy H'R Byă đi tới, T hỏi H'R có đi bán dâm với N3 được không, H'R đồng ý bán dâm cho N3 với giá 600.000 đồng/lần. H'R dẫn N3 vào phòng số 3 quán trọ của T để mua bán dâm với N3.

Trong lúc các đối tường đang mua bán dâm tại các địa điểm nêu trên thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang. Vật chứng tạm giữ: 1.600.000đồng; 03 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen bạc của Võ Đức T; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 40I8001202 ngày 29/5/2018 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện M cho Võ Đức T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 11/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M thì căn phòng trọ số 03 của quán TT có giá trị 24.564.000 động; 01 giường mà các đối tượng sử dụng để mua bán dâm có giá 240.000 đồng.

Tại bản án số 11/2019/HSST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Đức T phạm các tội "Chứa mại dâm" và "Môi giới mại dâm"

- Áp dụng khoản 1 Điều 327 và điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Đức T 01 (Một) năm tù về tội "Chứa mại dâm".

- Áp dụng khoản 1 Điều 328 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Đức T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt. Bị cáo Võ Đức T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 1 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/6/2019, bị cáo Võ Đức T kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Chứa mại dâm" và đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội "Môi giới mại dâm".

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình về tội "Chứa mại dâm" đúng như nội dung bản án sơ thẩm, bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội "Môi giới mại dâm" bởi việc T4 và N1 tự thỏa thuận với nhau đến nhà nghỉ H mua bán dâm bị cáo không biết nên bị cáo không phạm tội "Môi giới mại dâm".

Quá trình tranh luận tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Đức T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Chứa mại dâm" theo khoản khoản 1 Điều 327 và tội "Môi giới mại dâm" khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Việc bị cáo không thừa nhận phạm tội "Môi giới mại dâm" là không xác đáng. Bởi vì ngay từ khi bị cơ quan công an bắt quả tang và lập biên bản phạm tội quả tang thì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự viết bản tường trình tự khai về hành vi phạm tội "Môi giới mại dâm". Nhưng sau đó bị cáo lại khai là viết theo những gì điều tra viên đọc cho viết là vô căn cứ nên không có cở sở pháp lý để chấp nhận kháng cáo kêu oan đối với tội "Môi giới mại dâm" của bị cáo.

Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tình chất, mức độ hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra. Quá trình phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đức T, giữ nguyên bản án số 11/2019/HSST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và không bào chữa gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, quan điểm bào chữa cho bị cáo và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Võ Đức T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Đức T về tội *"Chứa mại dâm*" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội "Môi giới mại dâm" thì thấy: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 14/9/2018, Bản tự khai, Bản tường trình, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung của bị cáo thể hiện và xác định rằng: Vào khoảng 16 giờ ngày 14/9/2018 sau khi hát karaoke, Nguyễn Bảo T4 đề đạt nhu cầu mua dâm của mình cho Võ Đức T biết thì T bảo T4 đặt vấn đề với N1, khi T4 rủ N1 bán dâm cho T4 thì N1 đồng ý. T4 đưa cho T 1.000.000 đồng, T đưa lại cho N1 và bảo N1 bán dâm cho T4 xong thì đưa lại cho T4 400.000đồng. N1 điều khiển xe của T chở T4 đi bán dâm thì bị bắt quả tang. Lời khai này của T phù hợp với lời khai của Nguyễn Bảo T4 (người mua dâm), Nguyễn Hồng N1 (người bán dâm) và những người liên quan, người chứng kiến khác…Hành vi của bị cáo rõ ràng đã làm trung gian tổ chức cho người mua dâm và người bán dâm gặp nhau để quan hệ tình dục trái pháp luật. Bị cáo và người bán dâm cũng thừa nhận: Nếu không được sự cho phép của T thì người bán dâm không được đi bán dâm, số tiền sau khi bán dâm phải đưa cho T từ 100.000đ đến 200.000đ, dù T chưa được nhận tiền nhưng hành vi của T đã cấu thành tội "Môi giới mại dâm". Mãi sau này, bị cáo và người bán dâm (Nguyễn Hồng N1) đã phủ nhận lời khai trước đây vì cho rằng cán bộ điều tra bảo viết sao thì viết vậy, do tâm lý lo sợ nên đã viết theo nội dung cán bộ điều tra đọc. Tuy nhiên, khi hỏi bị cáo, người liên quan có bị mớm cung, ép cung không thì bị cáo và người liên quan thừa nhận không có; khi hỏi Biên bản bắt người phạm tội quả tang có nhiều người chứng kiến, Bản tự khai,

Bản tường trình do bị cáo tự viết có nội dung thừa nhận việc môi giới mại dâm thì bị cáo không viện ra lý do gì. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo về tội "Môi giới mại dâm", việc án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Môi giới mại dâm" là đủ căn cứ.

[3] Mức hình phạt của hai tội đối với bị cáo Võ Đức T mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cả hai tội đều xét xử ở mức hình phạt khởi điểm; cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đức T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/HSST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên bố bị cáo Võ Đức T phạm các tội: "Chứa mại dâm" và "Môi giới mại dâm".

- Áp dụng khoản 1 Điều 327 và điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Đức T 01 (Một) năm tù về tội "Chứa mại dâm";

- Áp dụng khoản 1 Điều 328 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Đức T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt. Bị cáo Võ Đức T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Bị cáo Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/9/2018 đến ngày 24/9/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện M'Đrắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức